TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2022
V/v: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm
Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị N -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 242/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 *(có mặt)*
Địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
*Bị đơn***:** Anh Phạm Văn L – sinh năm 1980 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: thôn Sơn Đông, xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
Anh Phạm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/07/2021 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau ngày 30/12/2004 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh L. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không chịu làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L không nghe còn thường xuyên đánh đập chị, xúc phạm chị anh L đi uống rượu say về anh còn gây sự với chị. Đồng thời chị còn nghi ngờ anh có mối quan hệ bất chính với người khác. Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài mà anh L không sửa đổi được, chị không ở chung

cùng anh L được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 03/2021 đến nay. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 3/2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn L không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có ba con chung là: Phạm Thị Nguyệt, sinh ngày 07/11/2005; Phạm Thị Thanh Bình, sinh ngày 27/09/2007 và Phạm Văn An, sinh ngày 14/7/2014. Hiện nay con chung đang ở với bố. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung,tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L trình bày: anh và chị N được hai gia đình tổ chức kết hôn theo phong tục truyền thống ngày 24/11/2004 trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhưng ngày tháng năm nào anh không nhớ rõ. Sau khi vợ chồng kết hôn chị N về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi công ty, đi làm đêm hôm, đi làm về không đúng giờ, kinh tế không công khai, chơi bời trên mạng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tranh luận với nhau và thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề tình cảm vợ chồng. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu tháng 4/2021 đến nay. Sau khi chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh có lên nhà nói chuyện và đón chị N về để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N không về. Mâu thuẫn vợ chồng không được hai gia đình tiến hành hòa giải. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh thì anh nhất trí.

*Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có ba con chung là Phạm Thị Nguyệt, sinh ngày 07/11/2005; Phạm Thị Thanh Bình, sinh ngày 27/09/2007 và Phạm Văn An, sinh ngày 14/7/2014. Hiện nay cả ba con chung đang ở với anh phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả ba con chung vì chị N đi làm công ty, đi thuê nhà ở trọ nên không có chỗ ăn ở ổn định để các con đi học. Hiện nay anh đang làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 5 triệu đến 7 triệu đồng/tháng.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng

quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng,đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227 Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thị Thanh Bình, sinh ngày 27/09/2007 và Phạm Văn An, sinh ngày 14/7/2014; giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Nguyệt, sinh ngày 07/11/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N HĐXX xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ L vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Phạm Văn L tại phiên tòa nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị N và anh L có mâu thuẫn, chị N cho rằng anh L không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập, xúc phạm chị. Hơn nữa chị còn nghi ngờ anh L có mối quan hệ bất chính với người khác. Anh L thì cho rằng chị N đi công ty, đi làm đêm hôm, đi làm về không đúng giờ, kinh tế không công khai, chơi bời trên mạng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tranh luận với nhau. Cả anh L và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn, không còn quan tâm

chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L và anh L cũng nhất trí nhưng do anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh L là có căn cứ.

[3]. *Về con chung:* Chị N và anh L cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Nguyệt, sinh ngày 07/11/2005; Phạm Thị Thanh Bình, sinh ngày 27/09/2007 và Phạm Văn An, sinh ngày 14/7/2014. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng với anh L. Vợ chồng ly hôn chị N đề nghị để anh L nuôi hai con chung là Phạm Thị Nguyệt và Phạm Thị Thanh Binh; anh L đề nghị được nuôi ba con chung là Phạm Thị Nguyệt; Phạm Thị Thanh Bình và Phạm Văn An. HĐXX xét thấy Quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung của cả chị N và anh L là như nhau. Hiện nay chị N đi làm công nhân, thu nhập khoảng 5 đến 7 triệu đồng/ tháng. Anh L làm nghề tự do, thu nhập khoảng 5 đến 7 triệu đồng/tháng. Vì vậy cả anh L và chị N đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, chị N đi làm công ty phải thuê trọ nên điều kiện ăn ở không bằng anh L nên cần giao cháu lớn tuổi hơn để cháu biết tự chăm sóc bản thân còn giao cháu An nhỏ nhất cho anh L nuôi dưỡng. Đồng Thời với nguyện vọng của cháu Bình muốn ở cùng bố để chăm sóc em nên cần giao cháu Bình và cháu An cho anh L nuôi dưỡng là có căn cứ. Hơn nữa cháu Nguyệt có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả chị N và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* chị N và anh L cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân xử cho: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N được nuôi dưỡng một con chung Nguyễn Thị Nguyệt, sinh ngày 07/11/2005; Giao cho anh Phạm Văn L được nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thị Thanh Bình, sinh ngày 27/09/2007 và Phạm Văn An, sinh ngày 14/7/2014. Chị N, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng

nhau cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007620 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hương Lan

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Thanh Miện **Bùi Thế Hanh**	**Hoàng Thị Hương Lan**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hương Lan